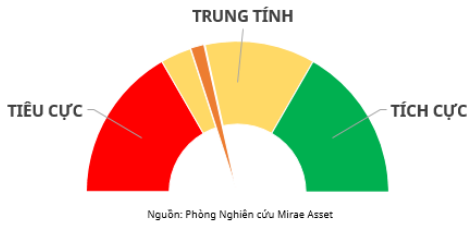


01 Tháng Mười Hai 2021

Thang đo sức mạnh thị trường



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,485.19	0.46	3.21	47.21
HNX	455.81	-0.49	9.69	206.06
UPCOM	114.58	0.42	8.14	68.97
MSCI EM	1,212.42	-0.54	-4.12	-0.95
NIKKEI	27,935.62	0.41	-5.77	4.29
HANG SENG	23,650.38	0.75	-5.98	-10.98
KOSPI	2,899.72	2.14	-2.66	10.08
FTSE	7,059.45	-0.71	-3.14	10.57
S&P 500	4,567.00	-1.90	-1.01	24.70
NASDAQ	15,537.69	-1.55	-0.37	25.76

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.59	2.78	15.83
SET INDEX	19.00	1.72	7.81
JCI INDEX	25.83	2.17	7.43
PCOMP INDEX	22.87	1.70	7.69

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.80	1	-2	-39
10 năm	2.09	0	-6	-35

### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,701	0.12	0.23	1.85
US\$/KRW	1,179	0.76	-0.22	-6.19
US\$/JPY	113	-0.20	0.53	-8.00
US\$/EUR	0.88	-0.03	2.32	6.42
US\$/GBP	0.75	-0.07	2.66	0.83
US\$/SGD	1.36	0.18	-1.08	-1.85

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,434	1,357	818
HNX	204	188	119
UPCOM	116	124	61

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Vượt qua thử thách

Tiếp tục xu thế giằng co trong 3 phiên vừa qua trong tuần, VN-Index tiếp tục cho nhà đầu tư “đi tàu lượn” trong phiên. Liên tục là sự luân chuyển giữa sắc xanh và đỏ trong phiên, lên xuống xoay quanh mốc tham chiếu dù cho biên độ không quá lớn, từ 6-7 điểm. Cuối cùng, lực cầu thắng thế vào cuối phiên và khép lại một ngày tăng điểm cho thị trường. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.485,2 điểm, tăng 6,7 điểm tương ứng 0,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 26.593 tỷ đồng, HNX: 3.404 tỷ đồng, UPCOM: 2.345 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm nhẹ với điểm sáng nằm ở nhóm Năng lượng, Dầu khí với mức tăng phổ biến từ 2%-4%, nhóm Phân bón tăng mạnh hơn, từ 3%-6% với DCM, DPM, BFC. Tuy nhiên tâm điểm hôm nay là sự phục hồi của nhóm Ngân hàng với các Blue-chip tăng mạnh, tiêu biểu là CTG (+1,3%), MBB (+1,7%), TCB (+1,2%), đặc biệt là HDB (+4,9%), STB (+3,5%) và TPB (+7,0%). Trong khi đó nhóm Bất động sản phân hóa với tăng/giảm đan xen. Nhóm Xây dựng chịu áp lực điều chỉnh sau liên tục những phiên tăng vượt trội.

Khối ngoại hôm nay tiếp tục mạnh tay bán ròng với giá trị hơn 1.100 tỷ đồng, trải rộng khắp nhiều mã. Trong số đó VHM, VIC và MSN chiếm giá trị lớn nhất với giá trị lần lượt là 165, 121 và 119 tỷ đồng.

Phiên tăng nhẹ của thị trường khiến các điểm số kỹ thuật được giữ nguyên. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset giảm từ đang ở mức -2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,6x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

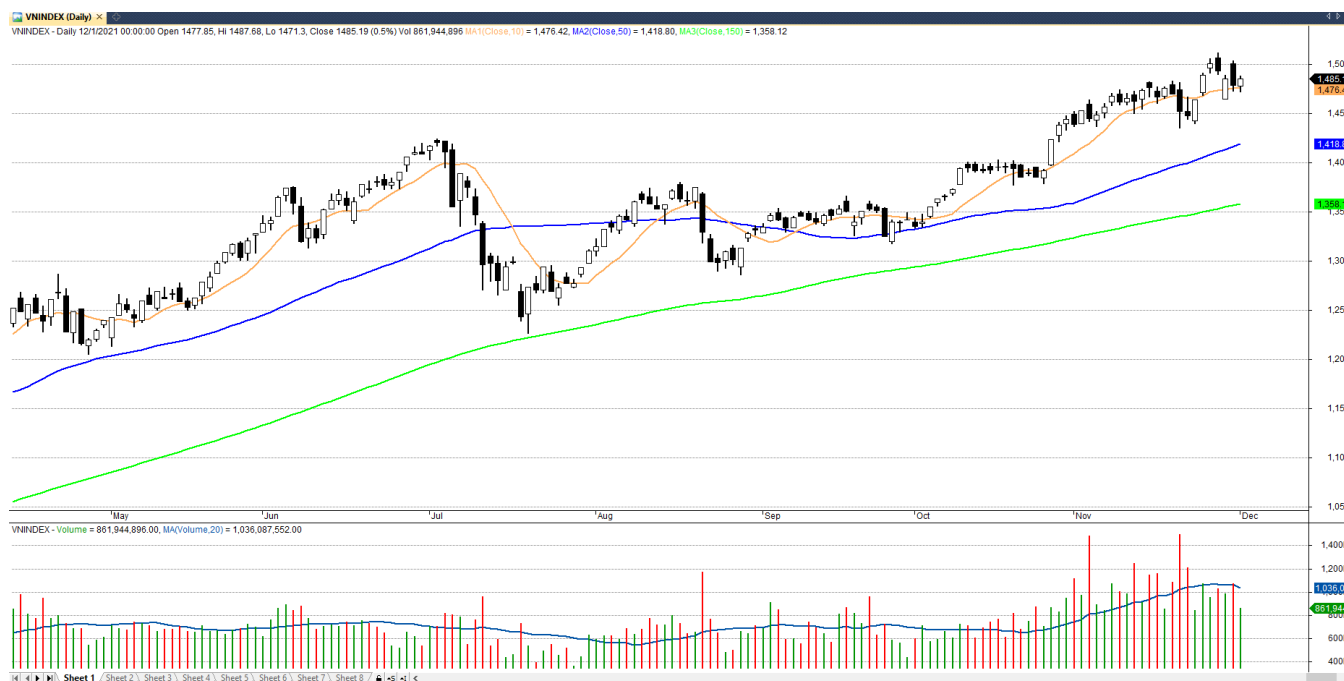
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/12/2021)	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.460</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.400</b>

Chạm vùng hỗ trợ 1.460 – 1.470 điểm, VN-Index giao động mạnh và phục hồi tốt. Trong ngắn hạn, VN-Index quay lại kiểm định ngưỡng 1.500 điểm.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

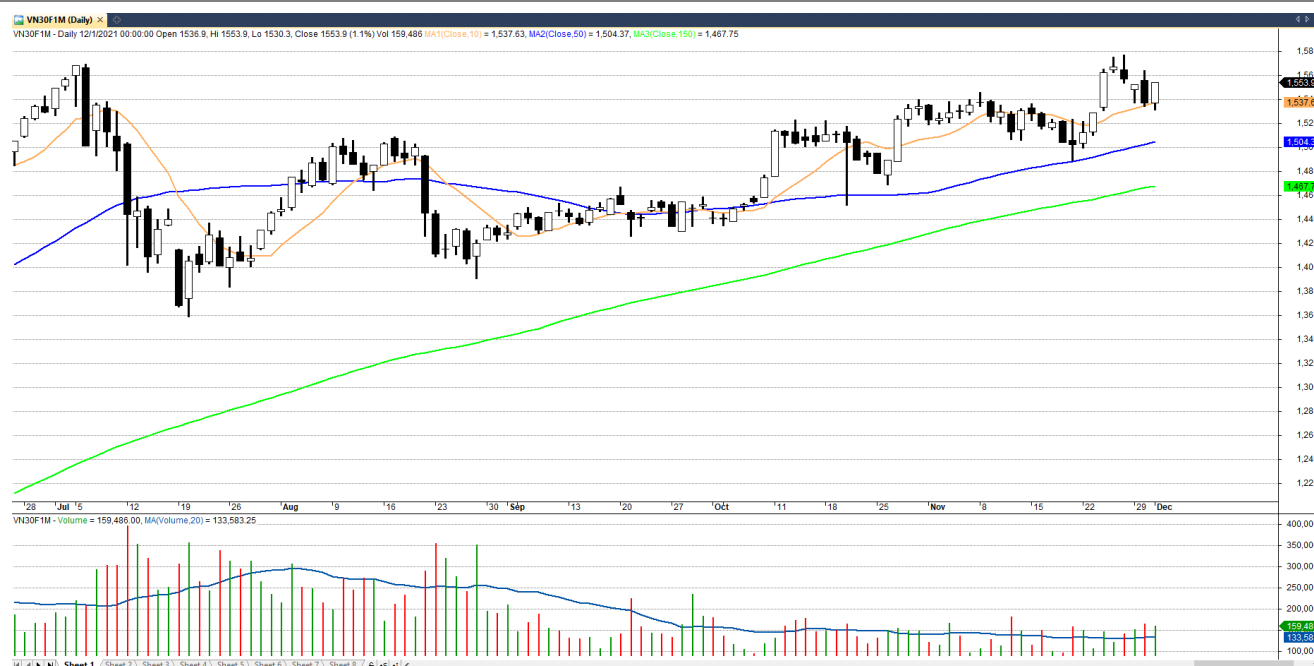
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/12/2021)	1.553,9	Kháng cự 1	<b>1.580</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2	<b>1.630</b>
VN30 - đóng cửa	1.549,8	Hỗ trợ 1	<b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+16,8</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	+2	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	+2	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M quay đầu tăng khá cuối phiên, spread ở mức trung bình, 23 điểm, các điểm số kỹ thuật chuyển sang TRUNG TÍNH và KHẢ QUAN.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PC1	Điện	37,800	1,701,810	97	4	Top sức mạnh ngành
HAX	Phân phối ô tô	31,300	1,237,155	99	7	Top sức mạnh ngành
LCG	Xây dựng	21,550	6,273,485	100	4	Top sức mạnh ngành
FCN	Xây dựng	20,850	6,381,215	90	6	Top sức mạnh ngành
VCG	Xây dựng	51,000	3,438,010	92	7	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DXG	33.25	14,527,860	7	KHẢ QUAN	19,818	25.6	2.3	483
NVL	114	3,026,805	7	KHẢ QUAN	167,991	48.0	4.9	345
VIX	36.6	9,353,875	7	KHẢ QUAN	10,050	11.1	3.4	342
HHV	25.6	12,161,125	7	KHẢ QUAN	6,845	43.9	1.1	311
VIC	106	2,913,905	7	KHẢ QUAN	403,353	84.9	4.0	309
SCR	20.7	13,508,040	7	KHẢ QUAN	7,584	26.9	1.6	280
VCG	51	3,438,010	7	KHẢ QUAN	22,370	39.3	3.4	175
TSC	18.6	7,159,990	7	KHẢ QUAN	2,746	24.4	1.6	133
FCN	20.85	6,381,215	6	KHẢ QUAN	2,615	22.2	1.2	133
DCM	40.25	8,244,950	5	KHẢ QUAN	21,308	23.7	3.2	332
ITA	13.35	24,334,464	5	KHẢ QUAN	12,527	75.9	1.1	325
HAG	8.7	30,599,660	5	KHẢ QUAN	8,068	#N/A N/A	1.6	266
VPB	37.9	15,767,410	4	KHẢ QUAN	168,483	13.6	2.7	598
PDR	93	4,223,880	4	KHẢ QUAN	45,828	28.7	7.3	393
HBC	26.9	11,372,235	4	KHẢ QUAN	6,521	64.3	1.8	306
DBC	78	2,881,885	4	KHẢ QUAN	8,989	9.2	1.9	225
FPT	98.2	2,153,155	4	KHẢ QUAN	89,113	22.1	5.2	211
LCG	21.55	6,273,485	4	KHẢ QUAN	3,760	10.7	1.7	135
AGR	27.7	3,984,960	4	KHẢ QUAN	5,872	17.6	2.5	110
BCG	30.2	5,226,505	3	TRUNG TÍNH	8,986	8.5	2.6	158
HSG	39.3	8,604,715	2	TRUNG TÍNH	19,394	4.5	1.8	338
HCM	48.25	6,409,245	2	TRUNG TÍNH	22,077	18.2	3.8	309
POW	14	20,696,536	2	TRUNG TÍNH	32,786	11.3	1.1	290
SBS	19.8	9,546,960	2	TRUNG TÍNH	2,521	2,194.0	12.2	189
HQC	6.65	25,863,736	2	TRUNG TÍNH	3,169	752.6	0.7	172
TTF	11.35	10,532,050	2	TRUNG TÍNH	3,532	#N/A N/A	#N/A N/A	120
HT1	26.35	3,957,305	2	TRUNG TÍNH	10,054	21.7	1.8	104
HDG	71.8	1,366,260	2	TRUNG TÍNH	11,749	14.9	3.1	98
DPM	52.2	5,767,140	1	TRUNG TÍNH	20,428	13.0	2.3	301
ROS	7.41	23,958,470	1	TRUNG TÍNH	4,206	23.0	0.7	178
SSI	55.2	24,735,604	0	TRUNG TÍNH	54,226	25.4	4.0	1,365

GEX	45.85	18,596,660	0	TRUNG TÍNH	39,041	28.9	3.3	853
VHM	82.9	7,379,055	0	TRUNG TÍNH	360,977	10.0	4.1	612
SHS	53.3	10,208,035	0	TRUNG TÍNH	17,337	13.1	3.7	544
CTG	34	13,266,230	0	TRUNG TÍNH	163,396	9.9	1.7	451
VCI	78.2	5,262,775	0	TRUNG TÍNH	26,041	18.8	4.1	412
NKG	43.3	7,967,350	0	TRUNG TÍNH	9,457	4.6	1.8	345
TCH	24.3	12,218,850	0	TRUNG TÍNH	15,035	18.6	1.6	297
TPB	48.25	3,827,990	0	TRUNG TÍNH	56,533	10.9	2.3	185
GVR	38.5	4,285,080	0	TRUNG TÍNH	154,000	30.9	3.1	165
VGT	26.9	5,982,910	0	TRUNG TÍNH	13,450	47.2	2.2	161
ART	15.8	7,529,230	0	TRUNG TÍNH	1,531	162.1	1.4	119
DGW	130	785,545	0	TRUNG TÍNH	11,492	26.3	7.9	102
VGC	52.1	1,952,220	0	TRUNG TÍNH	23,359	24.6	3.5	102
TNG	32.3	2,779,755	0	TRUNG TÍNH	2,994	14.0	2.1	90
KSB	40	2,201,590	0	TRUNG TÍNH	2,932	11.6	1.7	88
HPG	49	28,889,296	-2	TRUNG TÍNH	219,173	6.9	2.6	1,416
TCB	52.4	19,894,816	-2	TRUNG TÍNH	183,972	10.6	2.1	1,042
STB	29.9	23,575,566	-2	TRUNG TÍNH	56,368	16.0	1.7	705
KBC	50.2	10,707,710	-2	TRUNG TÍNH	28,602	29.4	1.8	538
MBB	29.5	15,040,015	-2	TRUNG TÍNH	111,460	10.0	2.0	444
PAN	40.35	9,876,850	-2	TRUNG TÍNH	8,429	39.7	2.3	399
CEO	38.4	8,316,215	-2	TRUNG TÍNH	9,882	#N/A N/A	3.6	319
DGC	163	1,850,350	-2	TRUNG TÍNH	27,886	22.5	5.6	302
BSR	21.4	13,424,955	-2	TRUNG TÍNH	66,351	#N/A N/A	2.1	287
PVS	26	10,526,975	-2	TRUNG TÍNH	12,427	21.9	1.0	274
CII	28.9	9,085,650	-2	TRUNG TÍNH	6,906	2,440.6	1.5	263
HDB	32	7,884,830	-2	TRUNG TÍNH	63,751	11.4	2.3	252
PVD	27.75	8,413,735	-2	TRUNG TÍNH	11,686	308.0	0.9	233
IJC	31.65	6,898,285	-2	TRUNG TÍNH	6,871	9.2	2.1	218
LDG	14	15,491,780	-2	TRUNG TÍNH	3,352	110.2	1.1	217
IDI	21.95	6,961,325	-2	TRUNG TÍNH	4,997	60.4	1.7	153
FIT	14.75	9,678,675	-2	TRUNG TÍNH	3,875	25.6	1.2	143
AAA	17.4	7,759,885	-2	TRUNG TÍNH	5,680	16.5	1.2	135
VIB	43	2,954,705	-2	TRUNG TÍNH	66,785	11.9	3.0	127
BID	44.3	2,802,470	-2	TRUNG TÍNH	178,175	18.1	2.2	124
HAH	70.4	1,692,525	-2	TRUNG TÍNH	3,434	12.1	2.7	119
MBS	42.4	2,702,410	-2	TRUNG TÍNH	11,346	19.0	3.5	115
PVT	24	4,423,090	-2	TRUNG TÍNH	7,768	9.8	1.6	106
CTS	44.6	2,331,825	-2	TRUNG TÍNH	4,745	15.9	2.9	104
HNG	8.89	11,688,895	-2	TRUNG TÍNH	9,855	175.0	1.5	104
DRC	35.45	2,722,225	-2	TRUNG TÍNH	4,211	13.5	2.4	97
VCB	99	959,530	-2	TRUNG TÍNH	367,179	17.4	3.4	95
HHS	12	7,341,600	-2	TRUNG TÍNH	3,297	18.5	0.9	88
VND	78	8,623,110	-4	TIÊU CỰC	33,926	15.4	3.9	673
DIG	65.4	7,991,225	-4	TIÊU CỰC	32,693	37.2	5.5	523
FLC	15.5	29,142,560	-4	TIÊU CỰC	11,005	7.2	1.2	452
SHB	23.55	19,152,240	-4	TIÊU CỰC	62,805	12.8	2.0	451
LPB	22.75	14,852,700	-4	TIÊU CỰC	27,382	9.9	1.7	338

VNM	87.5	3,110,105	-4	TIÊU CỰC	182,871	19.4	5.9	272
MWG	138.9	1,561,490	-4	TIÊU CỰC	99,013	22.7	5.3	217
SBT	24.8	8,340,475	-4	TIÊU CỰC	15,603	23.3	1.9	207
ACB	33.5	6,032,525	-4	TIÊU CỰC	90,515	9.3	2.1	202
MSN	149.9	1,334,785	-4	TIÊU CỰC	176,962	73.8	8.2	200
ASM	21.35	5,684,015	-4	TIÊU CỰC	5,527	9.6	1.1	121
KDH	46	2,400,245	-4	TIÊU CỰC	29,575	24.8	3.0	110
APS	50.4	3,452,495	-5	TIÊU CỰC	3,931	11.8	4.3	174
KDC	57.5	2,277,890	-5	TIÊU CỰC	14,468	28.2	2.4	131
VJC	120	874,495	-5	TIÊU CỰC	64,993	430.7	3.8	105
QNS	53.3	1,732,465	-5	TIÊU CỰC	18,989	15.4	2.4	92
NLG	55.2	5,506,385	-6	TIÊU CỰC	21,068	12.7	2.4	304
GMD	49.6	3,754,050	-6	TIÊU CỰC	14,948	34.4	2.5	186
PLX	54.3	3,030,645	-6	TIÊU CỰC	68,993	20.5	2.8	165
GAS	98.5	1,418,190	-6	TIÊU CỰC	188,524	23.0	3.8	140
NDN	22.5	4,709,895	-6	TIÊU CỰC	1,612	5.6	1.6	106
IDC	75	3,697,690	-7	TIÊU CỰC	22,500	41.3	5.5	277
VRE	29.7	8,515,460	-7	TIÊU CỰC	67,488	31.1	2.2	253
ORS	30.45	6,421,930	-7	TIÊU CỰC	6,090	#N/A N/A	2.8	196
DPG	86	1,386,140	-7	TIÊU CỰC	5,418	14.4	4.3	119
TVC	23.5	4,372,475	-7	TIÊU CỰC	2,435	4.4	1.7	103

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Fed phát tín hiệu về việc có thể sớm tăng lãi suất cơ bản

Chủ tịch Fed Jerome Powell ngày 30/11 cho biết Fed có thể sẽ đẩy nhanh việc cắt giảm các nỗ lực hỗ trợ thúc đẩy kinh tế trong bối cảnh sức ép lạm phát tăng cao. Bên cạnh việc thu hẹp chương trình mua trái phiếu, giới phân tích nhận định Fed có thể sẽ sớm tăng lãi suất cơ bản. Phát biểu trong phiên điều trần chung với Bộ Tài chính trước Ủy ban Ngân hàng Thượng viện Mỹ, ông Jerome Powell cho rằng việc cắt giảm chương trình mua trái phiếu có thể sẽ nhanh hơn mức 15 tỷ USD/tháng như dự kiến. Ông bày tỏ hy vọng vấn đề này sẽ được thảo luận tại phiên họp chính sách của Fed trong tháng 12 này. Người đứng đầu Fed nói: "Tại thời điểm này, nền kinh tế vẫn rất tốt và sức ép lạm phát cao. Do đó, quan điểm của tôi là cần xem xét đẩy nhanh việc thu hẹp chương trình mua tài sản, đã được chúng tôi thông báo trong cuộc họp tháng 11, sớm hơn một vài tháng". Theo giới phân tích, một khi quyết định này được thông qua, Fed có thể sẽ tăng lãi suất cơ bản vào bất kỳ thời điểm nào. Phát biểu trước phiên điều trần, người đứng đầu Fed nhận định tỷ lệ lạm phát đang "cao hơn" mục tiêu 2% mà Fed đề ra. Các vấn đề về chuỗi cung ứng khiến các nhà sản xuất khó đáp ứng nhu cầu mạnh mẽ, đặc biệt là đối với hàng hóa. Giá năng lượng và giá thuê nhà tăng cũng đang đẩy lạm phát lên cao. Sự mất cân bằng cung cầu liên quan đến đại dịch góp phần khiến giá cả tăng cao ở một số khu vực, với chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân tăng 5% trong 12 tháng kết thúc vào tháng 10. Mặc dù Fed nhận định lạm phát sẽ giảm đáng kể khi tình trạng mất cân bằng cung cầu được cải thiện, song ông Powell thừa nhận "rất khó dự đoán" xu hướng.

### PMI tháng 11 trên 50 điểm, giá nguyên liệu sản xuất tăng nhanh nhất từ tháng 4/2021

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 11 tăng lên 52,2 điểm, cao hơn 52,1 điểm của tháng 10, cho thấy các điều kiện kinh doanh cải thiện tháng thứ hai, sau thời kỳ giảm 4 tháng liên tiếp do làn sóng dịch Covid-19. Cụ thể, số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ hai liên tiếp với tốc độ nhanh và mạnh nhất kể từ tháng 4 vừa qua. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới vẫn duy trì đà tăng, nhưng ghi nhận mức tăng khiêm tốn khi Covid-19 tiếp tục kìm hãm thương mại quốc tế. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng và mức độ hạn chế do dịch bệnh đã cải thiện so với thời gian trước trong năm đã giúp các nhà sản xuất tiếp tục tăng sản lượng trong tháng 11.

### MWG: Ông Nguyễn Đức Tài đăng ký bán 1 triệu cổ phiếu

Ông Nguyễn Đức Tài, Chủ tịch HĐQT Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) đăng ký bán 1 triệu cổ phiếu MWG từ 3/12 đến 31/12. Phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn. Mục đích bán giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân. Nếu giao dịch thành công, lãnh đạo MWG sẽ giảm sở hữu từ 18 triệu đơn vị xuống 17 triệu đơn vị, tỷ lệ giảm từ 2,5% xuống 2,39%. Một tổ chức liên quan mà ông Tài làm Thành viên HĐQT là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế Giới Bán Lẻ đang sở hữu 51,4 triệu cổ phiếu, tương đương 10,8% vốn MWG. Cổ phiếu MWG chốt phiên ngày 30/11 ở vùng giá 138.900 đồng/cp, tăng 54% trong vòng 5 tháng.

### PVX: muốn thoái toàn bộ 36% vốn tại PTL trong tháng 12

Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (UPCoM: PVX) đăng ký bán toàn bộ hơn 36 triệu cổ phiếu (36% vốn) của Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (HoSE: PTL) nhằm tái cơ cấu lại khoản mục đầu tư theo chủ trương đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giao dịch dự kiến thực hiện trong thời gian từ 3/12 đến 31/12, theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Ngoài PVX, một cổ đông lớn khác là Dịch vụ và Đầu tư bất động sản Ngôi sao Phương Nam đã đăng ký bán 11 triệu cổ phiếu PTL trong thời gian từ 5/11 đến 4/12 để giảm tỷ lệ sở hữu từ 11,22% xuống còn 0,22% (tương đương 228.200 cổ phiếu).

### **KPF: 5 nhà đầu tư mua 66,5 triệu cổ phiếu KPF phát hành riêng lẻ, giá 13.000 đồng/cp**

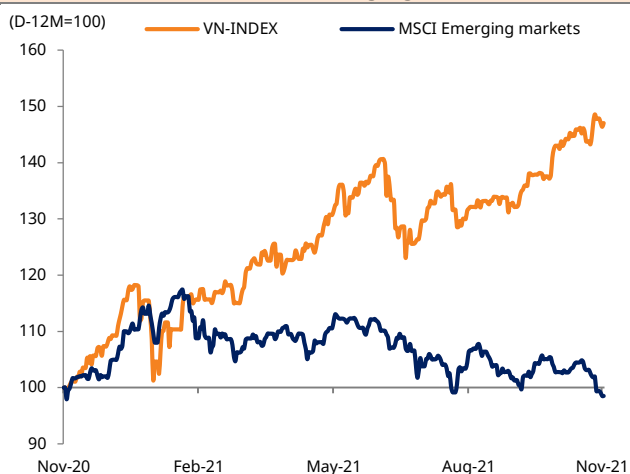
Công ty Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (HoSE: KPF) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án chào bán gần 66,5 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá 13.000 đồng/cp. Cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Thời điểm thực hiện dự kiến trong quý IV/2021 hoặc quý I/2022. Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu KPF phát hành riêng lẻ gồm Công ty cổ phần VN Stock (29,26 triệu), Công ty cổ phần VN Value (26,6 triệu), Công ty TNHH A Type Machine (5,98 triệu) và 2 cá nhân mua tổng cộng gần 4,6 triệu đơn vị. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 864,5 tỷ đồng dùng tăng vốn góp vào công ty con TTC Deluxe Sài Gòn để nhận chuyển nhượng cổ phần và vốn góp của Công ty Đầu tư và Kinh doanh BĐS Đại Lải (250 tỷ đồng), mua cổ phần Công ty Tri Việt Hội An (245 tỷ đồng), phần còn lại mua 199 căn hộ du lịch thuộc dự án Silk Tower của Công ty TNHH Đầu tư Tháp Lạ Đà Nẵng. Trước đó, KPF cũng công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành gần 2,9 triệu cổ phiếu để chia cổ tức theo tỷ lệ 5%. Như vậy, vốn điều lệ doanh nghiệp sau phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán riêng lẻ dự kiến tăng lên 1.274 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty cũng có phương án đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư tài sản Koji, phương án này đã được cổ đông thông qua.

### **WSB: chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền tỷ lệ 15%**

Bia Sài Gòn Miền Tây (UPCoM: WSB) thông báo 14/12 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện 15%, tương đương cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng. Với 14,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính số tiền chi đợt tạm ứng này khoảng 22 tỷ đồng. Thời gian thanh toán dự kiến 30/12. Đầu tháng 5, công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận 20% cổ tức còn lại năm 2020 để hoàn thành nghĩa vụ chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 50%. Chính sách cổ tức năm 2021 dự kiến ở mức 30%. Năm nay, công ty đặt mục tiêu sản lượng bia tăng 19% lên 128 triệu lít. Tổng doanh thu tăng tương ứng 19% lên gần 995 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 3% lên 118,4 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, Bia Sài Gòn Miền Tây ghi nhận doanh thu hơn 537 tỷ đồng, giảm 4%; lợi nhuận sau thuế giảm 24% về 58 tỷ đồng. So với kế hoạch năm, đơn vị đã hoàn thành 54% mục tiêu doanh thu và 49% chỉ tiêu lợi nhuận.

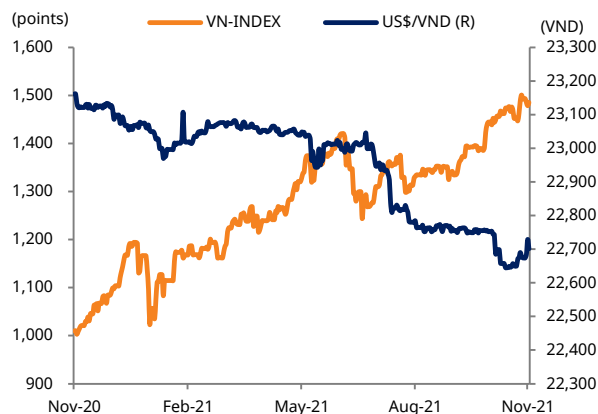


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



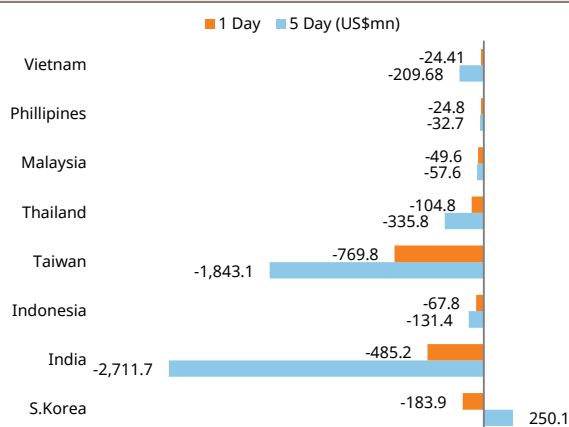
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



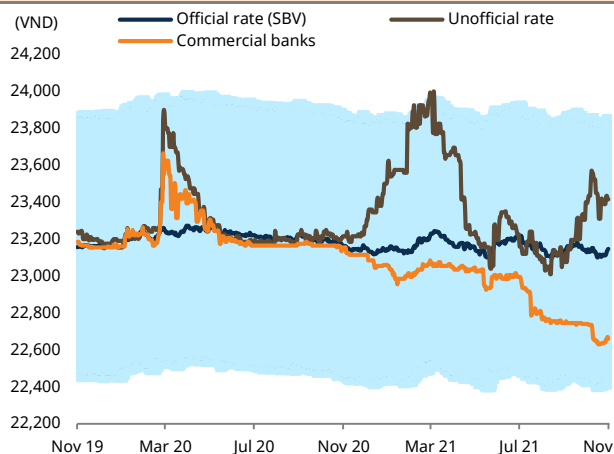
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



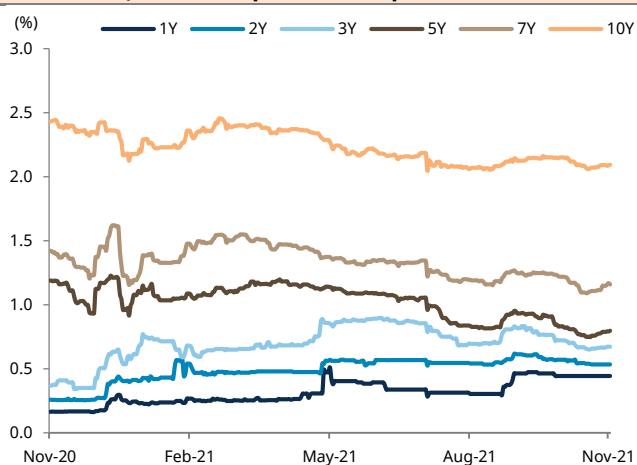
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



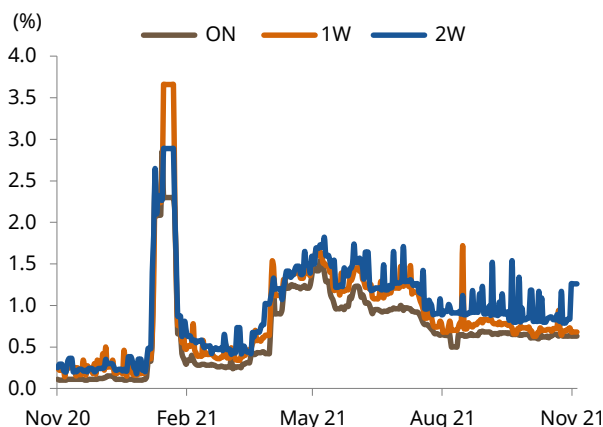
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,549.81</b>	<b>3,993,987</b>		<b>0.8</b>	<b>-1.0</b>	<b>2.2</b>	<b>58.7</b>	<b>14.7</b>	<b>12.3</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>37.2</b>	<b>19.6</b>	<b>22.7</b>	<b>20.6</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	33,500	90,515	30.0	0.6	-5.2	2.4	53.4	9.4	7.3	2.0	1.6	26.8	29.5	24.0	24.3
BIDV	BID VN	44,300	178,175	16.7	-0.2	-3.8	6.0	6.2	19.8	15.0	2.1	1.9	54.7	31.8	13.2	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	61,100	45,356	26.4	0.2	-2.7	-4.7	10.7	26.0	24.8	2.1	2.0	12.1	4.9	8.6	8.6
VietinBank	CTG VN	34,000	163,396	25.1	1.3	-4.0	5.6	29.5	12.5	9.0	1.7	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
FPT Corp	FPT VN	98,200	89,113	49.0	1.1	0.3	2.5	104.6	21.1	17.6	4.6	4.3	29.8	20.4	24.2	25.6
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	98,500	188,524	2.8	0.2	-4.4	-18.8	18.0	20.1	15.7	3.8	3.4	21.7	27.7	19.3	22.0
Vietnam Rubber Group	GVR VN	38,500	154,000	0.6	-0.8	3.5	-2.2	106.4	33.6	30.5	NA	NA	21.4	10.2	9.4	9.9
HDBank	HDB VN	32,000	63,751	17.6	4.9	-4.5	26.5	79.4	11.1	10.0	2.2	1.8	35.1	11.3	21.1	19.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	49,000	219,173	24.6	0.1	0.7	-12.0	85.8	6.4	6.5	2.3	1.7	167.5	-1.7	43.1	30.3
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	46,000	29,575	31.3	-1.0	-1.9	-6.1	90.6	26.7	19.1	3.1	2.6	-8.0	39.5	13.0	14.7
MBBank	MBB VN	29,500	111,460	23.2	1.7	-4.5	3.9	92.8	9.3	7.8	1.8	1.5	44.5	19.5	21.7	21.7
Masan Group Corp	MSN VN	149,900	176,962	32.4	0.5	-4.5	3.0	80.6	37.3	27.3	8.5	6.1	281.0	36.6	32.2	21.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	138,900	99,013	49.0	0.0	-3.5	6.8	79.6	20.4	15.9	4.7	4.1	18.2	27.7	26.4	28.1
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	114,000	167,991	8.1	3.6	7.1	4.0	158.1	39.4	23.1	4.7	3.9	-1.3	70.9	18.0	16.3
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	93,000	45,828	3.2	-0.6	2.9	-0.1	178.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	54,300	68,993	17.2	0.4	-4.7	0.7	7.3	20.0	16.7	2.9	2.9	295.6	19.9	15.6	17.2
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	97,300	22,123	48.0	-0.6	-7.9	-3.8	24.7	23.7	16.1	3.9	3.3	-4.6	46.8	18.3	23.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,000	32,786	3.1	3.7	2.9	6.9	38.6	17.0	13.5	1.0	1.0	-17.8	26.0	7.3	7.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	156,500	100,361	62.8	1.6	-6.8	-3.4	-19.1	28.8	23.2	4.5	3.9	-23.8	24.2	17.6	19.4
SSI Securities Corp	SSI VN	55,200	54,226	39.1	-1.3	3.8	33.3	330.7	28.2	25.3	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Sacombank	STB VN	29,900	56,368	17.2	3.5	-1.8	12.4	93.5	18.2	13.6	1.6	1.5	31.9	33.2	10.5	12.1
Techcombank	TCB VN	52,400	183,972	22.5	1.2	-5.6	1.6	113.9	10.7	9.1	2.0	1.7	38.8	18.6	20.8	19.8
Tien Phong Bank	TPB VN	48,250	56,533	29.6	7.0	-1.7	11.2	115.9	11.6	9.6	2.2	1.8	22.3	20.4	22.1	20.5
Vietcombank	VCB VN	99,000	367,179	23.6	0.1	-5.5	2.1	7.6	17.6	14.6	3.2	2.6	25.5	20.8	20.2	20.3
Vinhomes JSC	VHM VN	82,900	360,977	23.1	-2.0	-1.0	-1.7	29.4	10.3	8.8	2.9	2.3	25.3	17.2	31.6	27.9
Vingroup JSC	VIC VN	106,000	403,353	13.6	1.0	12.6	10.6	13.6	88.1	67.7	4.4	4.1	-19.9	30.2	4.3	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	120,000	64,993	16.8	-2.0	-9.2	-7.7	1.7	NA	33.6	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	87,500	182,871	54.4	-0.1	0.0	-2.8	-20.2	18.7	17.5	5.5	5.3	-1.8	6.6	32.9	33.2
VPBank	VPB VN	37,900	168,483	15.2	0.5	1.6	0.9	144.5	13.4	11.2	2.2	1.8	19.3	19.3	18.4	16.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,700	67,488	29.6	-0.3	-4.5	-4.7	5.1	36.6	21.0	2.2	2.1	-22.5	74.5	6.2	9.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>6.75</b>	<b>5,751,150</b>	<b>0.5</b>	<b>-0.2</b>	<b>3.2</b>	<b>47.2</b>	<b>17.6</b>	<b>13.8</b>	<b>2.8</b>	<b>2.3</b>	<b>31.9</b>	<b>27.6</b>	<b>18.9</b>	<b>19.5</b>
Automobiles & Components	-0.02	9,969	-0.9	0.6	4.8	62.7	8.1	6.5	1.4	1.3	17.0	24.2	9.9	11.4
Banks	5.26	1,769,341	1.2	-3.3	5.8	53.8	12.8	10.3	2.1	1.7	30.2	23.1	17.9	18.0
Capital Goods	-0.16	305,249	-0.2	4.5	23.7	150.9	9.3	8.0	0.5	0.5	18.4	24.5	7.2	7.6
Commercial & Professional Services	-0.03	5,822	-2.2	3.1	10.5	33.4	9.3	7.2	NA	NA	-7.8	45.5	8.0	11.1
Consumer Durables & Apparel	-0.08	51,003	-0.6	-2.7	0.1	87.9	15.8	11.6	2.7	2.3	18.4	36.1	14.4	17.0
Consumer Services	0.01	9,516	-0.1	-0.4	1.5	40.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Diversified Financials	-0.66	199,728	-1.2	1.0	27.5	324.0	11.0	12.3	1.0	0.9	82.0	-8.5	4.9	5.0
Energy	0.16	92,957	0.7	-2.6	0.1	29.0	69.2	17.0	2.4	2.4	NA	NA	12.9	14.7
Food, Beverage & Tobacco	0.65	593,753	0.4	-1.6	3.3	28.1	23.3	18.5	5.1	4.2	NA	8.9	23.6	20.5
Health Care Equipment & Services	-0.01	4,494	-0.8	10.2	32.5	41.7	11.0	14.4	NA	NA	40.4	-23.7	11.9	9.9
Household & Personal Products	0.00	1,669	-0.6	-1.0	-6.7	-5.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Insurance	0.02	56,528	0.1	-1.2	-4.1	20.9	22.9	21.6	1.9	1.8	14.1	6.0	7.8	8.0
Materials	0.12	571,590	0.1	1.7	-4.2	115.4	14.8	13.4	1.5	1.1	NA	6.1	25.9	20.2
Media & Entertainment	-0.01	1,466	-1.5	-2.7	2.4	-23.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Pharmaceuticals	-0.02	38,326	-0.2	-1.0	10.0	96.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Real Estate	1.28	1,344,344	-0.1	1.6	1.3	21.9	9.9	8.3	1.2	1.1	-0.2	19.9	8.4	8.9
Retailing	0.09	111,532	0.4	3.1	5.2	63.3	39.7	29.4	3.0	2.6	0.4	29.3	13.6	13.2
Software & Services	0.27	96,614	0.3	-1.1	7.0	80.6	20.0	15.4	4.3	3.8	39.1	29.2	24.0	25.7
Technology Hardware & Equipment	0.02	11,492	1.1	-1.0	2.0	105.7	19.5	16.2	4.3	3.9	30.3	20.7	22.3	23.6
Telecommunication Services	-0.02	2,161	0.8	-3.3	14.5	236.4	24.0	18.0	7.4	5.6	74.3	33.1	33.3	28.5
Transportation	-0.47	197,678	-2.7	-3.9	-14.6	440.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Utilities	0.42	289,725	-0.9	-2.9	-2.5	46.8	8.3	14.2	0.6	0.5	29.4	NA	-274.4	33.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	114,000	3.6	3,838,200	1.5
VIC VN	106,000	1.0	4,082,000	1.0
TPB VN	48,250	7.0	5,480,300	1.0
HDB VN	32,000	4.9	6,340,200	0.8
CTG VN	34,000	1.3	9,082,700	0.6
TCB VN	52,400	1.2	11,339,500	0.5
MBB VN	29,500	1.7	10,550,600	0.5
STB VN	29,900	3.5	19,243,000	0.5
SAB VN	156,500	1.6	52,000	0.4
MSB VN	27,000	3.8	10,364,100	0.4

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	82,900	-2.0	6,787,500	-1.9
DIG VN	65,400	-4.5	6,227,400	-0.4
VJC VN	120,000	-2.0	819,000	-0.4
GVR VN	38,500	-0.8	1,971,900	-0.3
VGC VN	52,100	-3.0	2,738,100	-0.2
SSI VN	55,200	-1.3	23,255,800	-0.2
VCI VN	78,200	-2.0	2,946,900	-0.1
VND VN	78,000	-1.3	7,029,100	-0.1
BID VN	44,300	-0.2	1,755,700	-0.1
IDI VN	21,950	-6.8	342,400	-0.1

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.